DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012 - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành: ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
1.	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	19/04/1991	7	7	M	M	M	6	
2.	Trần Ngọc	Anh	Nam	23/06/1990	7	6	5	M	M	M	
3.	Trần Thế	Anh	Nam	31/07/1990	6	7	7	8	5	6	
4.	Lương Thanh	Ba	Nam	29/07/1988	5	M	M	M	5	7	
5.	Vũ Thành	Ba	Nam	10/10/1991	7	6	5	M	6	M	
6.	Đỗ Hữu	Bảo	Nam	03/06/1991	7	6	M	M	M	5	
7.	Lưu Thị Ngọc	Bích	Nữ	22/04/1990	7	M	M	5	6	7	
8.	Đỗ Ngọc	Biển	Nam	20/07/1986	6	M	M	M	5	M	
9.	Bùi Văn	Bình	Nam	03/03/1987	7	7	5	8	6	6	
10.	Phạm Văn	Bình	Nam	05/08/1987	7	6	M	6	M	6	
11.	Trần Văn	Bình	Nam	13/10/1991	7	6	5	M	M	7	
12.	Ngô Văn	Cao	Nam	18/06/1990	7	6	M	7	M	7	
13.	Lê Duy	Châu	Nam	27/07/1991	6	7	M	M	7	5	
14.	Bùi Xuân	Chiến	Nam	21/09/1991	7	8	5	7	5	6	
15.	Mai Văn	Chiều	Nam	15/02/1986	6	6	M	M	M	6	
16.	Đào Ngọc	Chính	Nam	03/07/1985	7	6	6	8	5	6	
17.	Mai Quốc	Chính	Nam	03/05/1986	7	6	5	5	5	6	
18.	Lê Thành	Chung	Nam	04/11/1990	7	6	5	M	6	M	
19.	Nguyễn Quang	Chung	Nam	07/09/1991	6	6	5	M	M	5	
20.	Nguyễn Văn	Chung	Nam	10/07/1988	7	6	6	M	6	M	
21.	Nguyễn Văn	Công	Nam	11/10/1988	6	6	M	6	M	7	
22.	Lê Hùng	Cường	Nam	24/09/1991	6	5	M	M	6	5	
23.	Nguyễn Văn	Cường	Nam	20/11/1991	6	5	-	-	6	5	
24.	Nguyễn Việt	Cường	Nam	13/03/1991	5	5	5	6	6	6	
25.	Tống Mạnh	Danh	Nam	13/08/1990	7	6	6	8	5	7	
26.	Châu Văn	Dũng	Nam	10/07/1987	7	6	5	M	7	M	
27.	Lê Chí	Dũng	Nam	18/11/1991	6	5	M	M	7	5	
28.	Lê Việt	Dũng	Nam	12/12/1991	7	6	7	7	7	6	
29.	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	18/01/1991	7	5	M	M	6	6	
30.	Trần Việt	Dũng	Nam	08/06/1991	7	8	7	7	7	7	

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
31.	Trịnh Xuân	Dũng	Nam	16/02/1991	7	6	M	M	7	5	
32.	Nguyễn Ba	Duy	Nam	14/12/1990	7	7	6	8	8	7	
33.	Nguyễn Việt	Dương	Nam	12/07/1987	7	6	M	6	M	7	
34.	Bùi Trùng	Dương	Nam	07/04/1990	6	6	7	M	7	M	
35.	Đỗ Thị	Đạt	Nữ	05/06/1989	7	6	5	M	5	M	
36.	Lê Ngọc	Đạt	Nam	01/01/1991	7	6	M	M	M	7	
37.	Trần Văn	Điến	Nam	28/10/1989	7	6	6	M	5	M	
38.	Nguyễn Văn	Điệp	Nam	26/04/1986	7	6	5	6	7	6	
39.	Vũ Xuân	Điệp	Nam	18/09/1987	6	6	M	M	6	6	
40.	Trần Đức	Đính	Nam	18/04/1988	6	6	5	M	M	5	
41.	Đỗ Văn	Đình	Nam	22/06/1988	6	7	M	M	6	5	
42.	Nguyễn Đức	Đoàn	Nam	29/10/1991	6	5	M	M	6	5	
43.	Nguyễn Văn	Đoàn	Nam	25/12/1985	7	6	M	M	M	7	
44.	Lê Trung	Đức	Nam	26/09/1991	7	6	M	M	5	5	
45.	Phạm Văn	Đương	Nam	23/11/1989	7	6	5	8	M	6	
46.	Nguyễn Hải	Đường	Nam	20/09/1990	6	M	M	M	5	7	
47.	Nguyễn Hoàng	Giang	Nam	22/03/1991	6	6	6	6	5	5	
48.	Lê Huy	Giáp	Nam	12/10/1991	7	8	7	M	M	6	
49.	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/11/1990	7	6	M	M	M	7	
50.	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	26/06/1989	7	7	6	M	5	M	
51.	Lê Hồng	Hải	Nam	18/12/1991	7	7	9	9	8	7	
52.	Trần Văn	Hải	Nam	13/08/1991	6	6	M	M	7	6	
53.	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	07/05/1991	7	8	6	M	M	7	
54.	Trương Thị Thu	Hiền	Nữ	24/01/1991	7	6	5	7	5	7	
55.	Nguyễn Công	Hiến	Nam	19/04/1990	7	6	5	M	5	M	
56.	Cấn Minh	Hiệp	Nam	13/09/1990	7	6	5	M	M	7	
57.	Nguyễn Phú	Hiệp	Nam	25/06/1990	7	5	5	M	5	M	
58.	Nguyễn Viết	Hiệp	Nam	20/11/1988	7	5	M	M	5	6	
59.	Trần Trọng	Hiệp	Nam	07/03/1989	6	5	6	7	M	7	
60.	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	15/09/1988	7	6	M	8	7	6	
61.	Bùi Tuấn	Hiểu	Nam	28/08/1988	6	6	M	M	M	6	
62.	Trần Quang	Hòa	Nam	15/05/1990	7	M	M	M	6	6	
63.	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	06/05/1991	7	6	M	8	M	5	
64.	Thái Xuân	Hồng	Nam	11/10/1990	7	6	5	M	6	M	
65.	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	15/08/1988	6	5	M	M	6	5	
66.	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	25/06/1987	6	5	M	M	6	6	
67.	Vũ Việt	Hùng	Nam	25/11/1991	6	7	6	M	M	7	
68.	Trần Quang	Hưng	Nam	15/04/1988	7	5	5	6	7	6	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
69.	Trần Văn	Hưng	Nam	05/08/1990	7	6	5	M	7	M	
70.	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	27/11/1989	7	5	M	6	7	6	
71.	Nguyễn Trí	Huy	Nam	07/08/1989	7	6	5	7	7	5	
72.	Tống Xuân	Huy	Nam	18/10/1983	6	5	6	6	8	6	
73.	Nguyễn Văn	Huyên	Nam	19/05/1991	7	M	M	M	7	7	
74.	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/10/1989	8	6	5	7	M	6	
75.	Vũ Thị	Huyền	Nữ	04/04/1991	6	6	M	M	7	5	
76.	Tô Lý	Huỳnh	Nam	08/11/1989	7	5	5	M	M	5	
77.	Đỗ Đình	Khánh	Nam	25/02/1988	6	M	M	M	7	7	
78.	Nguyễn Quang	Khánh	Nam	25/02/1990	6	5	M	M	6	5	
79.	Bùi Văn	Khiên	Nam	24/06/1991	7	7	5	M	M	5	
80.	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	22/09/1991	7	M	M	M	7	7	
81.	Phan Đăng	Khôi	Nam	11/11/1991	8	8	7	M	7	M	
82.	Phạm Trọng	Lâm	Nam	01/05/1989	7	5	5	M	M	5	
83.	Nguyễn Thanh	Liêm	Nam	26/02/1990	7	5	6	M	7	M	
84.	Lương Thùy	Linh	Nữ	26/08/1991	6	M	M	M	7	7	
85.	Nguyễn Tuấn	Long	Nam	13/09/1989	7	6	M	M	M	6	
86.	Nguyễn Văn	Long	Nam	28/05/1991	6	5	M	M	7	5	
87.	Vũ Thành	Luân	Nam	01/12/1991	7	6	M	M	M	7	
88.	Hắc Ngọc	Lực	Nam	03/02/1990	6	6	M	M	M	6	
89.	Nguyễn Văn	Lưu	Nam	01/12/1990	6	M	M	M	7	6	
90.	Nguyễn Quảng	Lưu	Nam	29/04/1991	7	6	6	M	M	7	
91.	Vương Văn	Mạnh	Nam	20/09/1990	7	6	6	5	M	6	
92.	Bùi Bình	Minh	Nam	10/07/1991	6	6	M	M	6	6	
93.	Dương Thị	Minh	Nữ	20/01/1990	7	7	5	5	M	6	
94.	Hoàng Văn	Minh	Nam	09/04/1990	7	6	M	M	M	6	
95.	Trần Văn	Minh	Nam	14/04/1991	6	5	M	M	6	5	
96.	Mai Thị	Mùi	Nữ	10/12/1990	7	6	6	M	M	7	
97.	Đinh Tuấn	Nam	Nam	19/01/1990	7	7	7	6	7	7	
98.	Trần Thành	Nam	Nam	04/05/1991	6	M	M	M	6	6	
99.	Vũ Thị Huyền	Ngân	Nữ	15/03/1991	7	7	6	8	7	8	
100.	Chẩu Văn	Nghĩa	Nam	07/01/1987	7	5	M	5	M	6	
101.	Hoàng Trọng	Nghĩa	Nam	22/02/1987	7	8	6	6	6	7	
102.	Nguyễn Danh	Nghĩa	Nam	29/03/1990	6	6	6	6	M	5	
103.	Nguyễn Huy	Nghĩa	Nam	06/06/1989	7	6	6	7	5	6	
104.	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	13/03/1991	7	M	M	M	7	7	
105.	Nguyễn Hạnh	Nguyệt	Nữ	10/12/1991	6	5	M	M	7	5	

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
106.	Lê Quý	Nhân	Nam	08/07/1990	7	M	M	M	6	7	
107.	Vũ Đình	Phong	Nam	21/07/1991	6	7	M	M	7	5	
108.	Nguyễn Trọng	Phú	Nam	13/02/1991	7	M	M	M	7	6	
109.	Lê Văn	Phương	Nam	17/04/1987	7	6	M	6	6	6	
110.	Nguyễn Hữu	Phương	Nam	26/09/1990	7	5	M	M	6	5	
111.	Đinh Hồng	Quân	Nam	29/04/1991	6	5	M	M	6	5	
112.	Nguyễn Trung	Quân	Nam	01/11/1984	7	5	M	7	M	6	
113.	Vi Văn	Quân	Nam	04/12/1987	6	6	5	7	6	6	
114.	Võ Trung	Quân	Nam	25/05/1991	6	5	M	M	7	5	
115.	Khuất Duy	Quang	Nam	20/05/1991	7	M	M	M	7	7	
116.	Tạ Ngọc	Quang	Nam	18/11/1988	5	6	M	M	5	5	
117.	Trần Đức	Quang	Nam	06/07/1991	7	M	M	M	6	6	
118.	Nguyễn Văn	Quy	Nam	02/05/1991	6	6	M	M	6	5	
119.	Nguyễn Trọng	Quyết	Nam	15/07/1991	7	M	M	M	7	6	
120.	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	10/01/1991	7	M	M	M	6	7	
121.	Trần Thị	Sen	Nữ	10/08/1981	7	6	5	6	7	6	
122.	Đỗ Ngọc	Sơn	Nam	25/08/1990	7	6	5	6	M	7	
123.	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	16/02/1989	7	5	6	6	7	5	
124.	Trần Việt	Sơn	Nam	14/10/1990	6	5	5	M	7	M	
125.	Trần Đại	Tá	Nam	10/09/1986	7	5	5	5	6	6	
126.	Tạ Công	Tâm	Nam	28/09/1987	7	5	M	6	6	7	
127.	Đinh Thị	Tân	Nữ	23/04/1991	6	6	M	M	6	6	
128.	Đinh Văn	Tân	Nam	19/11/1989	6	8	6	M	5	M	
129.	Đào Duy	Thái	Nam	01/11/1991	6	6	M	M	6	5	
130.	Nguyễn Văn	Thái	Nam	23/05/1989	6	M	M	5	7	6	
131.	Trần Văn	Thăng	Nam	16/03/1989	5	5	M	M	6	5	
132.	Vũ Đình	Thăng	Nam	07/06/1990	7	6	5	5	5	6	
133.	Phạm Văn	Thắng	Nam	10/09/1991	7	M	M	M	6	6	
134.	Vũ Văn	Thắng	Nam	10/07/1989	7	6	5	7	5	7	
135.	Đặng Minh	Thanh	Nam	07/10/1991	6	5	M	M	6	5	
136.	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	19/07/1991	6	6	M	M	8	5	
137.	Nguyễn Viết	Thảo	Nam	20/08/1988	6	6	M	6	M	7	
138.	Vũ Văn	Thảo	Nam	05/04/1990	8	7	7	M	M	6	
139.	Nguyễn Văn	Thế	Nam	14/05/1991	7	6	5	M	M	7	
140.	Trần Quốc	Thế	Nam	11/10/1989	6	6	6	M	M	5	
141.	Nguyễn Văn	Thêm	Nam	01/08/1987	6	5	M	M	7	6	
142.	Nguyễn Đức	Thuận	Nam	24/03/1990	6	5	5	6	7	5	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
143.	Nguyễn Tiến	Thuận	Nam	27/07/1985	7	M	M	M	5	M	
144.	Phạm Văn	Thuận	Nam	27/01/1987	6	6	5	5	7	6	
145.	Nguyễn Thị Hà	Thương	Nữ	03/11/1991	M	7	M	7	M	7	
146.	Mạc Văn	Thủy	Nam	15/03/1990	7	6	M	M	M	7	
147.	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	26/01/1991	7	6	6	M	M	6	
148.	Nguyễn Quyết	Tiến	Nam	24/06/1987	7	7	5	6	5	7	
149.	Phạm Như	Tiến	Nam	19/07/1991	7	M	M	M	7	7	
150.	Lê Bá	Toàn	Nam	10/03/1991	7	M	M	M	7	7	
151.	Ngô Quốc	Toàn	Nam	07/04/1989	6	M	M	M	5	7	
152.	Phan Bình	Toàn	Nam	07/09/1990	5	8	5	7	5	7	
153.	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	22/06/1991	5	7	M	M	5	5	
154.	Mai Văn	Tráng	Nam	23/03/1990	7	6	M	M	M	7	
155.	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	16/05/1990	7	M	M	M	7	6	
156.	Trần Văn	Triển	Nam	10/06/1991	8	M	M	M	8	7	
157.	Triệu Đức	Trọng	Nam	05/07/1988	7	5	5	M	M	7	
158.	Nguyễn Tiến	Trung	Nam	18/02/1991	6	5	M	M	7	5	
159.	Nguyễn Mạnh	Trường	Nam	25/10/1990	7	6	6	M	M	7	
160.	Trần Xuân	Trường	Nam	09/12/1991	6	6	M	M	7	5	
161.	Vũ Xuân	Trường	Nam	18/10/1990	7	7	5	8	7	6	
162.	Nguyễn Văn	Tú	Nam	19/09/1991	7	8	6	6	7	7	
163.	Nguyễn Anh	Tú	Nam	09/01/1991	6	5	M	M	5	5	
164.	Nguyễn Trọng	Tú	Nam	05/10/1989	7	8	7	M	M	6	
165.	Tống Thị Cẩm	Tú	Nữ	09/02/1991	6	7	M	M	7	6	
166.	Lê Văn	Tuấn	Nam	29/09/1989	6	6	5	M	7	M	
167.	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	20/10/1991	5	6	M	M	6	5	
168.	Nguyễn Cư	Tuấn	Nam	26/09/1990	7	M	M	M	5	6	
169.	Nguyễn Hưng	Tuấn	Nam	09/11/1990	8	M	M	M	6	7	
170.	Nhữ Đức	Tuấn	Nam	19/09/1987	7	7	7	5	6	7	
171.	Phạm Anh	Tuấn	Nam	10/12/1987	7	7	6	7	7	7	
172.	Phạm Minh	Tuấn	Nam	26/10/1991	7	M	M	M	6	7	
173.	Trịnh Bá	Tuấn	Nam	26/10/1987	7	8	5	M	M	7	
174.	Vương Châu	Tuấn	Nam	29/09/1990	6	7	5	M	5	M	
175.	Hoàng Nông	Tùng	Nam	29/08/1991	6	5	M	M	7	5	
176.	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	15/07/1990	7	M	M	M	7	7	
177.	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	01/01/1987	7	5	M	M	M	6	
178.	Trần	Tùng	Nam	04/09/1989	6	6	M	M	6	5	
179.	Nguyễn Đình	Tưởng	Nam	17/09/1990	7	5	5	6	5	7	
180.	Vũ Văn	Tưởng	Nam	27/08/1990	7	7	M	M	5	6	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
181.	Hồ Thị	Vân	Nữ	08/04/1991	6	5	5	6	5	8	
182.	Ma Thị	Vân	Nữ	22/03/1991	7	8	6	M	M	7	
183.	Vũ Thị	Vân	Nữ	24/04/1991	7	7	5	8	7	7	
184.	Nguyễn Hoài	Văn	Nam	02/04/1991	6	7	M	M	6	5	
185.	Trần Quang	Vinh	Nam	29/11/1991	5	5	M	M	6	5	
186.	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	02/09/1991	6	7	M	M	7	5	

Danh sách gồm: 186 học viên

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012 - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					NM Công nghệ phần mềm	Toán rời rạc 1	Cơ sở dữ liệu	Kỹ thuật vi xử lý	Ngôn ngữ lập trình C++	Mạng máy tính	
1.	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	20/07/1986	6	M	M	M	6	M	
2.	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	22/02/1991	7	M	M	M	M	M	
3.	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	12/07/1989	5	M	M	7	6	M	
4.	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	17/08/1987	6	M	M	7	7	M	
5.	Nguyễn Công	Bắc	Nam	08/11/1989	M	M	M	7	M	M	
6.	Phùng Đình	Bắc	Nam	09/02/1990	6	M	M	M	6	M	
7.	Nguyễn Hữu	Bách	Nam	28/09/1989	6	M	M	M	7	M	
8.	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	24/03/1990	6	M	M	6	M	M	
9.	Vi Thanh	Bình	Nam	26/11/1988	5	M	M	5	7	M	
10.	Lưu Đình	Cảnh	Nam	02/01/1989	5	6	6	6	6	M	
11.	Nguyễn Văn	Châm	Nam	27/08/1982	7	M	M	6	7	M	
12.	Hà Kim	Chi	Nữ	10/02/1991	7	M	M	6	6	8	
13.	Trần Văn	Cơ	Nam	20/06/1990	6	M	M	M	6	M	
14.	Tống Duy	Công	Nam	06/02/1989	6	M	M	M	6	M	
15.	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	28/01/1990	M	M	M	6	7	M	
16.	Cao Mạnh	Cường	Nam	31/01/1990	6	M	M	M	6	M	
17.	Lê Văn	Cường	Nam	20/11/1991	7	M	M	8	M	M	
18.	Nguyễn Hồng	Cường	Nam	17/10/1990	M	M	M	5	6	M	
19.	Phạm Văn	Diễn	Nam	20/03/1988	M	M	M	6	6	M	
20.	Nguyễn Văn	Du	Nam	17/10/1990	6	M	M	M	7	M	
21.	Đỗ Ngọc	Dũng	Nam	24/12/1991	6	6	6	7	M	M	
22.	Hoàng Ngọc	Dũng	Nam	14/04/1990	6	M	M	7	6	M	
23.	Nguyễn Xuân	Dũng	Nam	05/05/1989	7	6	7	7	6	7	
24.	Trịnh Văn	Dũng	Nam	20/01/1991	6	6	7	8	M	M	
25.	Đinh Văn	Dụng	Nam	17/08/1989	M	M	M	6	6	M	
26.	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	24/01/1990	M	M	M	7	M	M	
27.	Cung Hải	Đăng	Nam	22/09/1991	6	M	M	6	6	M	
28.	Đinh Thị	Đào	Nữ	15/08/1990	M	M	M	6	7	M	
29.	Lý Quốc	Đạt	Nam	19/06/1990	6	M	M	M	7	M	
30.	Bùi Xuân	Đình	Nam	10/10/1990	6	M	M	M	6	M	
31.	Đỗ Xuân	Đức	Nam	01/03/1990	M	M	M	6	6	M	
32.	Phạm Hồng	Đức	Nam	06/11/1988	6	M	M	7	6	M	
33.	Lê Mạnh	Hà	Nam	26/10/1989	M	M	M	6	M	M	
34.	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06/06/1989	6	M	M	M	5	M	
35.	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Nữ	30/04/1990	M	M	M	7	6	M	
36.	Nguyễn Xuân	Hà	Nam	20/12/1990	6	M	M	M	7	M	

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					NM Công nghệ phần mềm	Toán rời rạc 1	Cơ sở dữ liệu	Kỹ thuật vi xử lý	Ngôn ngữ lập trình C++	Mạng máy tính	
37.	Vũ Thu	Hà	Nam	14/10/1991	M	M	M	7	6	M	
38.	Cao Ngọc Thanh	Hải	Nam	14/07/1990	5	M	M	M	M	M	
39.	Nguyễn Minh	Hải	Nam	06/10/1991	5	M	M	6	6	M	
40.	Nguyễn Văn	Hải	Nam	22/10/1987	5	M	M	6	6	M	
41.	Nguyễn Văn	Hải	Nam	03/07/1991	5	M	M	6	6	M	
42.	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/05/1988	6	M	M	6	7	M	
43.	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	28/12/1990	M	M	M	7	M	M	
44.	Hà Hoàng	Hiệp	Nam	16/06/1990	M	M	M	6	7	M	
45.	Ngô Minh	Hiếu	Nam	25/09/1989	5	M	M	M	6	M	
46.	Nguyễn Anh	Hiếu	Nam	13/10/1990	5	M	M	M	7	M	
47.	Bùi Thị Ngọc	Hoa	Nữ	23/07/1990	M	M	M	6	M	M	
48.	Phạm Thị	Hoa	Nữ	28/12/1991	8	M	M	8	M	M	
49.	Nguyễn Thị	Họa	Nữ	27/08/1989	M	M	M	6	M	M	
50.	Lê Thị	Hoài	Nữ	20/12/1990	M	M	M	7	6	M	
51.	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	Nữ	03/03/1989	M	M	M	6	6	M	
52.	Vũ Huy	Hoàng	Nam	12/11/1990	6	M	M	M	7	M	
53.	Lê Thị	Hồng	Nữ	25/01/1990	M	M	M	6	6	M	
54.	Phan Thị	Hồng	Nữ	10/05/1991	6	M	M	M	M	M	
55.	Nguyễn Quang	Hùng	Nam	28/09/1988	6	6	6	7	6	5	
56.	Phạm Việt	Hùng	Nam	02/03/1990	M	M	M	5	6	M	
57.	Vũ Thị	Hương	Nữ	20/07/1989	M	M	M	6	M	M	
58.	Nguyễn Tất	Huy	Nam	28/10/1991	5	M	M	M	6	M	
59.	Đào Đăng	Kết	Nam	20/07/1990	6	M	M	M	6	M	
60.	Kiều Đức	Khải	Nam	25/05/1991	5	M	M	6	M	6	
61.	Phạm Thị Kiều	Khanh	Nữ	19/07/1989	M	6	6	6	6	5	
62.	Vũ Văn	Khánh	Nam	25/12/1990	M	M	M	6	6	M	
63.	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	22/12/1991	6	M	7	6	7	M	
64.	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	17/04/1989	6	M	M	M	7	M	
65.	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	04/12/1990	5	M	M	6	6	M	
66.	Nguyễn Văn	Lai	Nam	10/04/1988	5	M	M	M	6	M	
67.	Đặng Thu	Lan	Nữ	15/12/1988	6	M	M	6	6	M	
68.	Đàm Văn	Lim	Nam	28/02/1990	M	M	M	7	M	M	
69.	Hứa Thị	Linh	Nữ	12/08/1989	6	M	M	7	6	M	
70.	Đinh Xuân	Long	Nam	01/09/1988	6	M	M	7	6	M	
71.	Lê Thái	Long	Nam	06/11/1991	7	M	M	5	6	M	
72.	Lê Thăng	Long	Nam	03/11/1991	6	M	M	7	6	M	
73.	Nguyễn Tuấn	Long	Nam	01/10/1990	5	M	M	M	6	M	
74.	Vũ Thành	Long	Nam	15/09/1988	6	M	6	6	6	M	
75.	Nguyễn Văn	Luân	Nam	07/09/1989	M	M	M	7	6	M	
76.	Lê Văn	Luận	Nam	13/11/1990	6	M	M	8	6	M	
77.	Trần Khắc	Lực	Nam	20/03/1990	M	7	M	M	M	M	
78.	Nguyễn Thanh	Lương	Nam	11/09/1989	6	M	M	7	6	M	
79.	Phùng Thị	Mai	Nữ	10/07/1991	6	M	M	7	M	M	
80.	Phí Văn	Mạnh	Nam	08/05/1990	6	M	M	5	6	M	
81.	Hoàng Văn	Minh	Nam	10/03/1990	5	M	M	M	6	M	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					NM Công nghệ phần mềm	Toán rời rạc 1	Cơ sở dữ liệu	Kỹ thuật vi xử lý	Ngôn ngữ lập trình C++	Mạng máy tính	
82.	Phạm Ngọc	Minh	Nam	26/08/1990	5	M	M	5	6	M	
83.	La Hoàng	Nam	Nam	14/07/1984	M	M	M	6	6	M	
84.	Nguyễn Hồng	Nam	Nam	18/03/1990	M	M	M	7	6	M	
85.	Phan Hoài	Nam	Nam	21/11/1991	6	M	6	6	6	M	
86.	Trần Chí	Nam	Nam	21/10/1986	6	M	M	M	6	M	
87.	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	30/08/1990	M	6	M	M	M	5	
88.	Đinh Quang	Ngọc	Nam	13/08/1983	5	M	M	M	6	M	
89.	Lê Công	Ngọc	Nam	06/11/1989	6	M	M	6	6	5	
90.	Phan Thị	Ngọc	Nữ	18/04/1990	M	M	M	7	M	M	
91.	Nguyễn Thị Lê	Nhâm	Nữ	20/11/1990	7	M	M	M	6	M	
92.	Đinh Thị	Oanh	Nữ	15/07/1990	M	M	M	6	6	M	
93.	Bùi Huy	Phong	Nam	22/05/1986	6	M	M	6	7	M	
94.	Nguyễn Văn	Phong	Nam	14/09/1989	M	M	M	5	6	M	
95.	Vũ Hồng	Phong	Nam	09/07/1989	M	M	M	7	6	M	
96.	Bùi Quang	Phước	Nam	22/02/1991	6	M	M	M	5	M	
97.	Cao Thị	Phương	Nữ	22/11/1990	M	6	M	M	M	M	
98.	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	13/12/1989	M	M	M	7	5	M	
99.	Lê Thị Hồng	Phượng	Nữ	15/03/1989	6	M	M	M	5	M	
100.	Nguyễn Trường	Quân	Nam	20/03/1991	6	M	M	6	6	M	
101.	Đặng Ngọc	Quang	Nam	04/09/1989	6	M	M	7	6	5	
102.	Lê Anh	Quang	Nam	03/11/1986	5	M	6	5	5	M	
103.	Trần Đình	Quang	Nam	15/07/1990	M	M	M	6	6	M	
104.	Nguyễn Khắc	Quốc	Nam	20/09/1990	M	M	M	5	5	M	
105.	Phạm Thị Lệ	Quyên	Nữ	29/05/1989	M	M	M	6	M	M	
106.	Phạm Văn	Quyền	Nam	14/03/1991	M	M	M	5	M	M	
107.	Trần Thanh	Sang	Nam	17/12/1991	5	M	M	M	M	M	
108.	Nguyễn Văn	Soát	Nam	17/04/1990	6	M	M	M	M	M	
109.	Chu Ngọc	Sơn	Nam	01/06/1989	7	M	M	M	6	M	
110.	Nguyễn Đắc	Sơn	Nam	01/01/1988	M	M	M	5	7	M	
111.	Lê Văn	Sơn	Nam	18/09/1984	6	M	7	7	7	M	
112.	Nguyễn Hữu	Sỹ	Nam	14/07/1990	6	M	M	7	6	M	
113.	Trần Quyết	Tâm	Nam	13/12/1989	6	M	M	M	7	M	
114.	Vũ Thị	Tâm	Nữ	14/01/1990	M	M	M	6	6	M	
115.	Hà Văn	Tân	Nam	05/09/1988	6	M	M	M	5	M	`
116.	Vũ Khắc	Thạch	Nam	17/05/1990	M	M	M	6	M	M	
117.	Hoàng Văn	Thái	Nam	25/11/1990	7	M	M	M	6	M	
118.	Lê Xuân	Thanh	Nam	10/10/1980	6	M	M	5	6	M	
119.	Ngô Ngọc	Thành	Nam	10/08/1987	6	6	6	6	6	6	
120.	Nguyễn Danh	Thành	Nam	15/01/1991	6	7	6	7	6	5	
121.	Đặng Vương	Thành	Nam	22/06/1980	6	M	M	7	6	M	
122.	Nguyễn Đình	Thao	Nam	04/10/1991	5	M	M	6	6	M	
123.	Lê Thị	Thảo	Nữ	21/11/1991	M	M	M	6	M	M	
124.	Nguyễn Đình	Thảo	Nam	27/06/1991	6	M	M	8	M	M	
125.	Trần Thị	Thảo	Nữ	19/09/1989	5	M	M	M	7	M	
126.	Nguyễn Chí	Thức	Nam	09/08/1991	7	M	M	7	6	M	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					NM Công nghệ phần mềm	Toán rời rạc 1	Cơ sở dữ liệu	Kỹ thuật vi xử lý	Ngôn ngữ lập trình C++	Mạng máy tính	
127.	Đỗ Thị Thu	Thủy	Nữ	24/12/1991	M	M	M	5	6	M	
128.	Lê Thị Thanh	Thủy	Nữ	28/02/1991	M	M	M	6	5	M	
129.	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	07/12/1991	M	M	M	5	6	M	
130.	Bùi Mạnh	Tiến	Nam	11/11/1986	5	M	M	M	M	5	
131.	Giang Mạnh	Tiến	Nam	11/04/1991	6	M	M	7	6	M	
132.	Nguyễn Trọng	Toàn	Nam	27/01/1986	5	M	M	6	6	M	
133.	Lưu Thị Hồng	Trang	Nữ	01/06/1990	6	M	M	M	7	M	
134.	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	03/01/1991	M	M	M	7	M	M	
135.	Phạm Ngọc	Trí	Nam	23/04/1978	6	6	6	6	M	M	
136.	Trần Tăng	Triển	Nam	06/09/1988	M	M	M	7	6	M	
137.	Trịnh Thị Hải	Triều	Nữ	15/09/1984	6	M	M	6	5	M	
138.	Vi Khắc	Trọng	Nam	12/08/1991	6	M	M	7	7	M	
139.	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	13/09/1991	M	M	M	7	6	M	
140.	Nguyễn Văn	Trung	Nam	29/09/1990	6	M	M	M	7	M	
141.	Phạm Văn	Trung	Nam	15/06/1990	M	6	M	M	M	M	
142.	Phí Mạnh	Trung	Nam	13/09/1991	5	M	M	6	6	m	
143.	Trần	Trung	Nam	07/06/1985	M	M	M	6	6	M	
144.	Võ Đức	Trung	Nam	06/07/1989	5	6	M	7	6	5	
145.	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	09/03/1989	5	M	M	6	6	M	
146.	Đào Ngọc	Tú	Nam	29/09/1988	M	M	M	7	5	M	
147.	Nguyễn Mạnh	Tú	Nam	01/06/1989	6	M	M	7	6	M	
148.	Nguyễn Xuân	Tú	Nam	26/04/1988	M	M	M	6	M	M	
149.	Nguyễn Anh	Tuân	Nam	27/02/1984	6	M	M	M	6	M	
150.	Đinh Đức	Tuấn	Nam	12/06/1990	M	M	M	5	6	M	
151.	Đỗ Anh	Tuấn	Nam	30/09/1990	M	M	M	6	6	M	
152.	Lê Anh	Tuấn	Nam	19/06/1989	M	6	M	M	M	5	
153.	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	22/03/1990	M	M	M	7	M	M	
154.	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	04/04/1989	M	M	M	6	6	M	
155.	Trần Minh	Tuấn	Nam	01/09/1990	6	M	M	7	6	M	
156.	Đồng Văn	Tùng	Nam	23/10/1990	M	M	M	6	6	M	
157.	Dương Ngọc	Tùng	Nam	12/04/1991	5	M	M	5	6	M	
158.	Lê Thanh	Tùng	Nam	31/10/1990	M	M	M	7	6	M	
159.	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	23/07/1991	6	M	M	6	6	M	
160.	Nguyễn Tiến	Tùng	Nam	15/08/1989	6	M	M	6	6	M	
161.	Văn Đức	Tùng	Nam	05/06/1988	6	M	M	M	7	M	
162.	Đặng Văn	Tuyên	Nam	05/06/1990	8	M	M	M	M	M	
163.	Nguyễn Trung	Tuyên	Nam	09/10/1991	M	M	M	7	M	M	
164.	Đinh Quang	Tuyền	Nam	16/10/1989	6	M	M	7	6	M	
165.	Trịnh Thị	Vân	Nữ	05/06/1990	M	6	M	M	M	M	
166.	Nguyễn Thanh	Việt	Nam	06/07/1991	6	M	M	7	M	M	
167.	Vương Quốc	Việt	Nam	23/08/1987	6	M	M	6	6	M	
168.	Đinh Khắc	Vũ	Nam	15/07/1990	6	M	M	7	6	M	
169.	Hoàng Văn	Vũ	Nam	26/03/1990	6	M	M	7	6	M	
170.	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	13/12/1991	6	M	M	6	7	M	
171.	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	01/12/1988	6	M	M	M	5	M	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					NM Công nghệ phần mềm	Toán rời rạc 1	Cơ sở dữ liệu	Kỹ thuật vi xử lý	Ngôn ngữ lập trình C++	Mạng máy tính	
172.	Trần Tuấn	Vượng	Nam	23/03/1991	7	6	7	7	M	M	
173.	Lê Thị	Xuân	Nữ	13/04/1990	7	M	M	M	6	M	
174.	Nguyễn Hồng	Xuân	Nữ	06/12/1990	6	M	M	M	5	M	
175.	Hà Thị Hải	Yến	Nữ	05/10/1988	M	M	M	6	M	M	
176.	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	19/02/1991	8	M	M	7	M	M	
177.	Mai Văn	Bình	Nam	12/10/1991	M	M	M	M	M	M	
178.	Trần Đình	Cương	Nam	12/08/1991	M	M	M	M	M	M	
179.	Phạm Quang	Đồng	Nam	04/08/1990	M	M	M	M	M	M	
180.	Hoàng Minh	Đức	Nam	31/05/1990	M	M	M	M	M	M	
181.	Trần Đức	Hải	Nam	01/01/1990	M	M	M	M	M	M	
182.	Phạm Công	Hiệp	Nam	01/05/1989	M	M	M	M	M	M	
183.	Trần Thị	Loan	Nữ	28/12/1990	M	M	M	M	M	M	
184.	Dương Nhật	Nam	Nam	17/07/1990	M	M	M	M	M	M	
185.	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	27/01/1991	M	M	M	M	M	M	
186.	Nguyễn Đình	Quyết	Nam	07/07/1991	M	M	M	M	M	M	
187.	Lê Thị	Thủy	Nữ	11/11/1991	M	M	M	M	M	M	
188.	Phạm Thanh	Tuyền	Nam	13/08/1989	M	M	M	M	M	M	
189.	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	03/09/1990	M	M	M	M	M	M	

Danh sách gồm: 189 học viên

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012 - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

TT	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Luật kinh doanh	Quản trị học	Toán kinh tế	Mar-keting	Nguyên lý kế toán	Quản trị chất lượng	
1.	Trịnh Thị Kiều	Anh	Nữ	30/10/1990	M	M	8	M	M	7	
2.	Vũ Đức	Đạt	Nam	27/10/1990	M	M	7	6	M	7	
3.	Lê Thị	Diến	Nữ	18/03/1991	M	M	M	5	M	7	
4.	Đỗ Trọng	Dũng	Nam	13/08/1991	M	M	M	5	M	7	
5.	Nguyễn Tài	Hưng	Nam	19/01/1991	M	7	M	M	6	6	
6.	Nguyễn Như	Huyền	Nữ	02/01/1989	6	6	6	7	5	7	
7.	Trần Thị Kim	Liên	Nữ	23/11/1990	M	M	M	5	M	7	
8.	Bùi Đức	Linh	Nam	15/07/1988	M	M	M	6	M	7	
9.	Trịnh Minh	Luyện	Nam	28/02/1976	M	7	M	M	M	6	
10.	Bùi Hoàng	Nam	Nam	13/12/1988	M	M	M	M	M	6	
11.	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	04/04/1991	M	M	9	5	M	7	
12.	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	15/12/1984	6	8	7	M	7	7	
13.	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	20/12/1980	M	8	M	M	7	7	
14.	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	14/02/1989	6	7	7	5	6	7	
15.	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	08/10/1988	M	7	9	M	M	7	
16.	Vũ Xuân	Thái	Nam	14/12/1989	6	7	7	7	5	7	
17.	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/02/1990	M	M	8	5	M	6	
18.	Lại Đức	Tính	Nam	29/09/1987	5	M	5	M	M	6	

Danh sách gồm: 18 học viên

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012 - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành: ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
1.	Trần Văn	Anh	Nam	29/10/1989	7	M	M	7	6	5	
2.	Nguyễn Quốc Phi	Bằng	Nam	21/11/1988	7	7	M	5	M	6	
3.	Lê Văn	Chánh	Nam	03/11/1986	7	7	M	5	6	7	
4.	Trần Như	Cương	Nam	27/09/1989	6	7	M	8	7	5	
5.	Chiêm Hớn	Danh	Nam	01/01/1990	7	7	9	9	7	8	
6.	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	06/06/1989	7	7	M	5	7	8	
7.	Phạm Thành	Đạt	Nam	25/11/1988	7	7	9	5	7	5	
8.	Nguyễn Thanh	Điền	Nam	05/11/1990	6	7	M	6.5	9	7	
9.	Ngô Quang	Đông	Nam	31/07/1988	6	7	9	5	7	6	
10.	Trịnh Văn	Duẩn	Nam	15/09/1986	M	7	9	5	5	8	
11.	Nguyễn Hoàng	Đức	Nam	10/08/1988	7	7	9	M	5	8	
12.	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	22/05/1986	7	M	M	M	7	6	
13.	Trần Hữu Trí	Dũng	Nam	20/05/1990	7	7	9	5	M	7	
14.	Nguyễn Đại	Dương	Nam	12/02/1990	7	7	M	7	8	7	
15.	Nguyễn Văn	Hảo	Nam	11/07/1990	6	6	M	6.5	5	7	
16.	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	02/10/1990	6	M	M	M	6	7	
17.	Nguyễn Quốc	Hoàn	Nam	20/05/1989	7	7	9	6.5	M	9	
18.	Cù Xuân	Hoàng	Nam	15/05/1985	7	7	7	8	5	5	
19.	Lê Văn	Hùng	Nam	09/02/1989	8	7	M	M	M	M	
20.	Trần Hoàng	Huy	Nam	11/08/1990	7	7	8	5	6	7	
21.	Trần Thành	Lộc	Nam	26/09/1990	7	M	M	M	6	6	
22.	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	26/11/1990	7	6	9	7	M	5	
23.	Nguyễn Thành	Long	Nam	25/05/1989	7	8	M	5	6	6	
24.	Huỳnh Minh	Luân	Nam	10/10/1990	7	7	M	7	6	5	
25.	Mai Trường	Lực	Nam	26/03/1989	7	7	M	6	6	5	
26.	Đặng Thanh	Mai	Nam	26/10/1986	7	M	M	M	7	6	
27.	Bùi Văn	Nam	Nam	28/10/1991	7	7	M	5	5	7	
28.	Lê Võ Hữu	Nam	Nam	27/12/1990	7	M	M	M	7	5	
29.	Nguyễn Nhựt	Nam	Nam	24/05/1991	7	7	M	5	5	5	
30.	Nguyễn Thanh	Nam	Nam	24/12/1989	7	7	9	7	5	7	
31.	Phạm Hải	Nam	Nam	02/02/1989	7	7	9	6	M	5	
32.	Phan Anh	Ngọc	Nam	14/03/1986	6	8	8	6	5	6	
33.	Trần Thiện	Nhân	Nam	07/01/1990	7	7	9	M	5	5	

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
34.	Bạch Thanh	Phùng	Nam	12/05/1989	7	7	8	5	M	5	
35.	Đa Diên Thiên	Phượng	Nữ	26/08/1986	7	7	M	5	5	6	
36.	Đặng Văn	Quân	Nam	27/06/1990	6	7	M	5.5	7	7	
37.	Nguyễn Kim	Quang	Nam	03/02/1989	7	7	M	6.5	8	8	
38.	Lê Quang Bảo	Quốc	Nam	06/07/1981	7	7	9	8	7	6	
39.	Nguyễn Minh	Quý	Nam	11/06/1990	7	7	M	7	6	6	
40.	Huỳnh Minh	Quyền	Nam	15/04/1989	8	M	M	M	10	8	
41.	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	01/01/1989	7	7	M	7	5	5	
42.	Nìm Nhịt	Tắc	Nam	07/07/1990	7	7	M	6	8	5	
43.	Đỗ Thị Tiến	Tài	Nữ	20/07/1989	7	7	M	7	8	8	
44.	Trương Tấn	Tài	Nam	01/05/1990	7	8	M	5	6	7	
45.	Thiều Quang	Tâm	Nam	16/01/1974	7	7	9	M	M	9	
46.	Trần Thanh	Tân	Nam	05/11/1990	7	M	M	M	9	8	
47.	Phạm Huỳnh Quốc	Thái	Nam	20/01/1989	7	7	9	5	7	5	
48.	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	24/07/1986	7	6	M	8	6	6	
49.	Huỳnh Thị Phương	Thảo	Nữ	26/02/1990	7	M	M	M	7	7	
50.	Ngô Hoàng Phú	Thịnh	Nam	10/04/1989	7	6	M	7.5	6	9	
51.	Trần Anh	Thư	Nữ	15/05/1990	7	M	M	M	7	8	
52.	Vũ Văn	Tiến	Nam	30/10/1989	7	7	9	5	8	6	
53.	Phạm Phương	Tính	Nam	01/11/1989	7	M	M	M	7	8	
54.	Đặng Trần Thùy	Trang	Nữ	18/09/1986	7	7	M	5	8	6	
55.	Nguyễn Quốc	Trí	Nam	10/04/1990	7	7	8	M	6	5	
56.	Trần Quốc	Trí	Nam	17/04/1989	7	7	9	M	5	5	
57.	Hồ Nhật	Trường	Nam	08/07/1990	7	7	M	7	6	8	
58.	Đỗ Thanh	Tuấn	Nam	23/02/1990	6	7	M	5	5	5	
59.	Phạm Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	07/06/1990	8	M	M	M	9	7	
60.	Hồ Quốc	Tường	Nam	05/10/1990	7	7	8	M	6	7	
61.	Đào Duy	Việt	Nam	27/08/1986	7	6	M	5.5	5	7	
62.	Trương Công Nam	Việt	Nam	28/03/1990	7	7	8	5.5	5	7	
63.	Nguyễn Hồng	Vinh	Nam	30/05/1990	7	7	M	5	6	6	
64.	Nguyễn Vi	Xuyên	Nữ	01/01/1989	7	5	9	M	7	8	
65.	Nguyễn Văn	An	Nam	21/12/1991	6	7	M	7	5	7	
66.	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	25/09/1991	5	7	M	9	8	5	
67.	Lê Thị Bé	Ba	Nữ	17/02/1991	6	6	M	9	6	7	
68.	Võ Trọng	Bảng	Nam	12/11/1991	6	5	M	6	6	6	
69.	Huỳnh Ngô Hoài	Bảo	Nam	12/07/1990	6	5	M	8	7	5	
70.	Lê Đặng Hoàng Thái	Bảo	Nam	22/04/1989	6	6	M	8	7	5	
71.	Võ Ngọc	Cẩn	Nam	29/11/1991	6	7	M	5	7	5	
72.	Bùi Văn	Cao	Nam	10/09/1991	5	6	M	10	6	6	
73.	Bùi Đặng Thiên	Chương	Nam	22/09/1990	5	8	M	6	6	5	
74.	Bùi Chí	Công	Nam	27/01/1991	5	6	M	9	5	5	

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
75.	Lê Hồng	Công	Nam	24/05/1991	5	7	M	8	6	8	
76.	Bùi Thị	Điệp	Nữ	08/01/1992	6	7	M	M	M	M	
77.	Hồ Quốc	Định	Nam	20/06/1991	6	7	M	6	5	7	
78.	Nguyễn Thị	Doan	Nữ	25/09/1991	6	7	M	M	M	M	
79.	Đoàn Giang	Đông	Nam	08/10/1991	5	7	M	9	6	8	
80.	Trần Chánh	Đồng	Nam	12/07/1991	6	6	M	8	6	5	
81.	Lê Minh	Đức	Nam	27/06/1991	6	7	M	7	6	7	
82.	Phạm Hồng	Đức	Nam	09/06/1988	6	7	M	8	6	6	
83.	Nguyễn Vũ Minh	Dũng	Nam	08/05/1991	5	7	M	7	9	5	
84.	Trần Quốc	Dũng	Nam	15/09/1991	6	8	M	7	6	6	
85.	Chu Quốc	Duy	Nam	01/03/1991	6	7	M	8	8	6	
86.	Nguyễn Vinh	Duy	Nam	15/10/1991	6	7	M	M	M	M	
87.	Trần Huỳnh	Duy	Nam	30/12/1991	6	7	M	6	7	8	
88.	Lê Quang	Ghin	Nam	15/05/1990	6	7	M	M	M	M	
89.	Nguyễn Tri	Giảng	Nam	27/09/1991	6	7	M	M	M	M	
90.	Huỳnh Văn	Giáo	Nam	27/10/1991	5	6	M	6	7	6	
91.	Bùi Minh	Hải	Nam	15/01/1991	6	7	M	7	7	5	
92.	Nguyễn Văn	Hải	Nam	19/06/1991	5	6	M	8	7	5	
93.	Nguyễn Văn Thanh	Hải	Nam	30/08/1991	5	7	M	M	M	M	
94.	Nguyễn Hữu	Hậu	Nam	06/11/1991	6	6	M	9	7	6	
95.	Nguyễn Hữu	Hiệp	Nam	06/06/1991	5	6	M	6	8	6	
96.	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	26/06/1991	6	7	M	8	6	8	
97.	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	10/05/1991	5	6	M	5	6	6	
98.	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	01/07/1991	6	7	M	M	6	M	
99.	Phạm Viết	Hòa	Nam	19/05/1990	6	6	M	6	7	6	
100.	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	27/08/1991	6	7	M	7	6	6	
101.	Trần Minh	Hoàng	Nam	12/10/1991	6	7	M	7	6	5	
102.	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	30/05/1991	6	6	M	6	7	6	
103.	Lê Công	Hữu	Nam	30/12/1989	6	7	M	M	M	M	
104.	Huỳnh Thanh	Huy	Nam	02/06/1991	5	8	M	5	6	6	
105.	Lê Khắc	Huy	Nam	15/09/1991	6	6	M	7	6	7	
106.	Vũ Quốc	Huy	Nam	28/08/1991	6	5	M	6	6	5	
107.	Trần Đoàn	Khuê	Nam	11/11/1991	6	6	M	5	6	6	
108.	Hà Khắc	Kiểu	Nam	05/02/1991	6	7	M	6	6	6	
109.	Vũ Đình	Kỳ	Nam	26/06/1991	6	6	M	7	8	6	
110.	Vũ Hoàng	Liêm	Nam	11/04/1991	5	6	M	6	6	6	
111.	Nguyễn Tấn	Linh	Nam	11/02/1990	5	7	M	6	5	5	
112.	Lê Duy	Lộc	Nam	02/03/1991	6	7	M	7	7	7	
113.	Nguyễn Văn	Lộc	Nam	01/06/1991	5	7	M	5	6	8	
114.	Trần Hữu	Lộc	Nam	15/08/1989	6	6	M	7	6	8	
115.	Trần Hồng	Lực	Nam	13/11/1990	6	6	M	5	7	6	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
116.	Vương Thị	Lương	Nữ	10/08/1991	6	7	M	M	M	M	
117.	Ngô Anh	Minh	Nam	31/10/1991	6	7	M	8	7	7	
118.	Đào Nguyễn Thành	Nam	Nam	26/12/1991	5	7	M	7	6	6	
119.	Võ Đức	Ngoan	Nam	31/03/1990	5	7	M	8	5	5	
120.	Phạm Khôi	Nguyên	Nam	09/11/1990	5	6	M	8	5	8	
121.	Phan Lê	Nguyên	Nam	24/11/1991	6	6	M	6	5	6	
122.	Nguyễn Lê	Nguyễn	Nam	04/02/1991	5	7	M	8	6	9	
123.	Lê Đình	Nhân	Nam	12/12/1990	7	6	M	10	7	5	
124.	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	28/02/1991	6	6	M	6	6	6	
125.	Võ Đình	Nhật	Nam	08/08/1991	7	6	M	10	7	6	
126.	Nguyễn Tấn	Pháp	Nam	25/08/1991	6	7	M	7	7	5	
127.	Huỳnh Nguyễn Tấn	Phát	Nam	15/10/1990	6	7	M	8	7	6	
128.	Lê Nguyên	Phát	Nam	20/08/1991	6	8	M	8	6	5	
129.	Võ Ngọc	Phát	Nam	10/03/1991	5	6	M	5	5	5	
130.	Lê Tuyến	Phú	Nam	27/09/1991	6	7	M	10	6	7	
131.	Nguyễn Duy	Phú	Nam	16/08/1990	6	7	M	M	M	M	
132.	Lê Như	Phượng	Nữ	10/06/1991	6	7	M	8	6	8	
133.	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	06/06/1991	5	6	M	6	7	6	
134.	Nguyễn Minh	Quân	Nam	23/04/1991	6	5	M	9	6	8	
135.	Tạ Thanh	Quang	Nam	20/12/1991	6	6	M	8	7	7	
136.	Võ Hoàng Ngọc	Quí	Nam	30/12/1991	6	6	M	7	6	6	
137.	Nguyễn Quang	Sáng	Nam	15/04/1991	5	7	M	7	9	7	
138.	Trần Quốc	Sơn	Nam	18/11/1991	5	6	M	9	7	7	
139.	Lê Tấn	Tài	Nam	25/11/1991	6	7	M	7	7	7	
140.	Diệp Đức Hoài	Tâm	Nam	16/01/1991	5	5	M	9	7	5	
141.	Lê Hoàng Thanh	Tân	Nam	18/12/1991	5	8	M	7	9	7	
142.	Nguyễn Văn	Thạch	Nam	26/02/1991	6	7	M	9	6	6	
143.	Đặng Minh	Thái	Nam	13/02/1991	6	7	M	7	6	6	
144.	Trần Đức	Thắng	Nam	08/04/1991	6	6	M	7	8	5	
145.	Võ Duy	Thanh	Nam	30/07/1989	5	6	M	6	5	9	
146.	Trần Quang	Thịnh	Nam	16/12/1990	7	7	M	9	7	7	
147.	Huỳnh Minh	Thoại	Nam	30/11/1991	6	7	M	9	7	6	
148.	Nguyễn Ngọc	Thương	Nam	19/02/1991	6	5	M	7	7	5	
149.	Phạm Minh	Thương	Nam	02/09/1991	5	7	M	5	6	6	
150.	Trần Thành	Toàn	Nam	20/06/1991	6	7	M	6	5	7	
151.	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	28/10/1991	6	7	M	9	6	9	
152.	Trần Anh	Trịnh	Nam	16/03/1991	5	7	M	7	6	7	
153.	Phùng Ngọc	Trung	Nam	26/09/1991	6	7	M	7	6	7	
154.	Lý Trọng	Tú	Nam	19/06/1990	5	6	M	8	6	7	
155.	Phạm Mạnh	Tú	Nam	26/05/1991	6	7	M	9	6	8	
156.	Thái Thanh	Tuân	Nam	07/04/1991	5	6	M	8	7	6	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Tổng quan về viễn thông	Lý thuyết trường điện từ và SCT	Truyền sóng và anten	Cơ sở kỹ thuật chuyển mạch	CSKT truyền thông sợi quang	Truyền dẫn vô tuyến số	
157.	Phạm Anh	Tuấn	Nam	15/10/1991	6	5	M	8	7	7	
158.	Bùi Đức	Tuệ	Nam	28/09/1991	6	7	M	7	5	6	
159.	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23/10/1991	5	5	M	7	7	5	
160.	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	11/10/1991	6	7	M	M	M	M	
161.	Lê Quang	Vẽ	Nam	04/03/1990	6	7	M	6	6	6	
162.	Nguyễn Ngô Hữu	Việt	Nam	02/01/1991	5	7	M	M	M	M	
163.	Nguyễn Ngọc	Việt	Nam	21/03/1991	6	7	M	7	6	6	
164.	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	01/03/1991	6	7	M	7	7	6	
165.	Ngô Quỳnh	Vương	Nam	01/01/1991	6	6	M	7	6	8	
166.	Trần Quốc	Vương	Nam	03/02/1991	6	5	M	8	7	6	

Danh sách gồm: 166 học viên

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012 - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					NM Công nghệ phần mềm	Toán rời rạc 1	Cơ sở dữ liệu	Kỹ thuật vi xử lý	Ngôn ngữ lập trình C++	Mạng máy tính	
1.	Nguyễn Thanh	Bằng	Nam	01/10/1989	8	M	M	6	7	M	
2.	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	15/06/1986	7	M	M	6	6	M	
3.	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/01/1990	6	M	M	5	7	M	
4.	Nguyễn Khương	Duy	Nam	17/06/1989	6	M	M	5	8	M	
5.	Trần Thị	Hà	Nữ	08/10/1989	5	M	M	5	7	M	
6.	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	09/11/1989	M	M	M	6	M	M	
7.	Nguyễn Thị Bảo	Hạnh	Nữ	05/03/1990	M	M	M	7	M	M	
8.	Vy Thị	Hậu	Nữ	25/10/1985	5	M	M	5	7	M	
9.	Nguyễn Khắc Thanh	Long	Nam	26/11/1990	7	M	M	6	6	M	
10.	Nguyễn Trần Hữu	Thắng	Nam	26/03/1989	M	M	M	5	7	M	
11.	Ngô Thị Phương	Thảo	Nữ	19/01/1990	6	M	M	7	M	M	
12.	Huỳnh Kim	Thùy	Nữ	28/01/1975	6	M	M	M	6	M	
13.	Nguyễn Thành	Toàn	Nam	27/02/1988	5	M	M	5	7	M	
14.	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	Nữ	19/07/1989	7	M	M	6	7	M	
15.	Lê Thành	Trung	Nam	04/09/1983	6	M	M	5	7	M	
16.	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	18/04/1987	5	M	M	5	M	M	

Danh sách gồm: 16 học viên

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012 - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

TT	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Các môn học bổ sung kiến thức						Ghi chú
					Luật kinh doanh	Quản trị học	Toán kinh tế	Mar-keting	Nguyên lý kế toán	Quản trị chất lượng	
1.	Trần Tuấn	Dũng	Nam	12/12/1984	M	M	M	M	7.5	7	
2.	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	30/06/1990	M	M	6	7	6	8	
3.	Ngô Thị Kiều	Hoa	Nữ	29/12/1990	9	M	6	9	7	8	
4.	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	17/02/1987	8	7	6	6	7.5	8	
5.	Lê Thị	Oanh	Nữ	10/11/1988	8	6	6	7	5	8	
6.	Trần Vũ	Phương	Nam	17/02/1989	8	M	6	M	M	8	
7.	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	02/01/1990	M	M	6	8	5.5	8	
8.	Đặng Ngọc	Thuận	Nữ	02/02/1991	9	M	6	8	5.5	8	
9.	Trần Lê	Toàn	Nam	19/08/1984	M	8	M	M	7.5	6	
10.	Trần Nguyễn Quỳnh	Uyên	Nữ	03/12/1987	8	M	M	M	M	M	
11.	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	12/10/1989	7	M	M	5	M	7	
12.	Đỗ Minh	Hoàng	Nam	4/16/1991	M	M	M	M	M	M	
13.	Nguyễn Quang	Đình	Nam	3/21/1991	M	M	M	M	M	M	

Danh sách gồm: 13 học viên

Ghi chú: Ký hiệu **"M"**: Miễn học và thi do được bảo lưu kết quả học tập ở bậc cao đẳng.